

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 về việc phê duyệt Chương trình quốc gia Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 130/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 16/9/2011 của Liên Bộ: Tài chính - Khoa học và Công nghệ quy định chế độ quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 1109/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Tỉnh ngày 02/6/2014 V/v phê duyệt “Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 1420/BC-KHĐT ngày 27/6/2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020” (sau đây viết tắt là Đề án) với những nội dung chủ yếu sau:

#### **1. Mục tiêu của Đề án:**

1.1. Mục tiêu tổng quát: Xây dựng mô hình áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng, phát triển nguồn lực cho các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm hàng hóa và cung cấp dịch vụ trên địa bàn tỉnh để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ của Tỉnh; nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

\* Giai đoạn đến năm 2015:

- 30% số lượng doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, hàng hoá chủ lực của Tỉnh xây dựng và thực hiện Đề án nâng cao năng suất và chất lượng;

- Xây dựng thành công 15 mô hình doanh nghiệp ứng dụng công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến, tạo bước nhảy vọt về năng suất, chất lượng và trình độ quản lý, trở thành những mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả, là mô hình điểm để các doanh nghiệp khác học tập, làm theo;

- 20% doanh nghiệp của Tỉnh được phổ biến và tuyên truyền các kiến thức về hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng sản phẩm;

- 300 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ của Tỉnh được hỗ trợ về kinh phí và tư vấn áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và trình độ quản lý;

- Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu cho 250 - 300 đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó tối thiểu có 15-20 sáng chế; hỗ trợ và làm thủ tục đăng ký nhãn hiệu cho 30 sản phẩm mang thương hiệu địa phương.

- Các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hoá nhóm 2 được công bố và chứng nhận hợp quy theo quy chuẩn tương ứng; 40% sản phẩm, hàng hoá chủ lực được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc gia (TCVN);

- Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng bộ tiêu chuẩn cơ sở cho 20 doanh nghiệp vừa và nhỏ;

- Mỗi năm có từ 5 doanh nghiệp được trao tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình;

- 30% doanh nghiệp sử dụng năng lượng trọng điểm thực hiện kiểm toán năng lượng và áp dụng hệ thống quản lý tiết kiệm năng lượng theo Tiêu chuẩn ISO 50001:2011;

- Xây dựng và hình thành 01 Tổ chức chứng nhận sự phù hợp hệ thống được công nhận trên 01 lĩnh vực đánh giá: Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 và 01 Tổ chức đánh giá chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn cho các sản phẩm trên địa bàn Tỉnh;

- Số lượng doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ của Tỉnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ tăng lên 10% mỗi năm;

- Mức độ đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP – Total factor productivity) trong tốc độ tăng trưởng của địa phương: góp phần nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) trong tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) của tỉnh lên 30%.

\* Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020:

- 100% doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, hàng hoá chủ lực của Tỉnh xây dựng và thực hiện Đề án nâng cao năng suất và chất lượng;

- Xây dựng thành công 15 mô hình doanh nghiệp và dịch vụ điểm, ứng dụng công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến, tạo bước nhảy vọt về năng suất, chất lượng và trình độ quản lý, trở thành những mô hình kinh doanh hoàn hảo, là mô hình điểm để các doanh nghiệp khác trong tỉnh đến học hỏi;

- 70% doanh nghiệp của tỉnh được phổ biến và tuyên truyền các kiến thức về hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng;

- 600 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ của tỉnh được hỗ trợ về kinh phí và tư vấn áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và trình độ quản lý;

- Số lượng doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ của Tỉnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ tăng lên 10% mỗi năm;

- 50% sản phẩm hàng hóa và dịch vụ của tỉnh đạt tiêu chuẩn hoặc đạt trình độ chất lượng tương đương với sản phẩm, hàng hóa cùng loại của các nước trong các thị trường tương ứng...;

- 100 % doanh nghiệp sản xuất, cung cấp các mặt hàng chủ lực của Tỉnh đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;

- Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu cho cho 700 - 800 đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó tối thiểu có 50 sáng chế. Đến năm 2020 sẽ hỗ trợ và làm thủ tục đăng ký thương hiệu cho trên 40 sản phẩm mang thương hiệu địa phương;

- 100% doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được công bố và chứng nhận hợp quy; 80% sản phẩm, hàng hoá chủ lực được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc gia (TCVN);

- Tư vấn, hướng dẫn xây dựng bộ tiêu chuẩn cơ sở cho 100 doanh nghiệp vừa và nhỏ;

- Mỗi năm có 05 doanh nghiệp được trao tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình;

- 100 % doanh nghiệp sử dụng năng lượng trọng điểm thực hiện kiểm toán năng lượng và áp dụng hệ thống quản lý tiết kiệm năng lượng theo Tiêu chuẩn ISO 50001:2011;

- Mở rộng lĩnh vực đánh giá của Tổ chức chứng nhận sự phù hợp hệ thống được công nhận sang lĩnh vực đánh giá là Hệ thống tiết kiệm năng lượng ISO 50001:2011;

- Tại mỗi Sở, Ban, ngành (chuyên ngành liên quan), huyện, thị xã và thành phố có ít nhất 2 cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng để trở thành chuyên gia về năng suất và chất lượng để làm nòng cốt trong phong trào năng suất, chất lượng.

- Nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) trong tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) của tỉnh lên 35% từ năm 2016.

## **2. Phạm vi, đối tượng:**

2.1. Phạm vi: Thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2.2. Đối tượng: Các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm thuộc các ngành công nghiệp và dịch vụ ưu tiên của tỉnh như: Công nghiệp vật liệu xây dựng; Dịch vụ du lịch, Nuôi trồng, khai thác và chế biến nông lâm thủy sản; Khai thác khoáng sản, Cơ khí chế tạo, điện, điện tử, gia công kim loại; Dệt, may. Trong đó ưu tiên các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chủ lực của Tỉnh.

## **3. Nội dung, nhiệm vụ của Đề án:**

3.1. Nội dung, nhiệm vụ 1: Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng năng suất chất lượng của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dịch vụ của Tỉnh để xác định doanh nghiệp điểm, doanh nghiệp sản xuất cung cấp dịch vụ chủ lực của

tỉnh. Qua đó xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá doanh nghiệp và đào tạo hướng dẫn đánh giá chỉ số TFP của Tỉnh và của các doanh nghiệp để áp dụng các công cụ cải tiến chất lượng.

- Xác định sản phẩm hàng hóa và dịch vụ có thế mạnh của Tỉnh; lựa chọn các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tham gia Đề án nâng suất và chất lượng của Tỉnh;

- Xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết Đề án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho các doanh nghiệp được chọn phù hợp với nhu cầu phát triển và đặc thù của Tỉnh và địa phương;

3.2. Nội dung, nhiệm vụ 2: Xây dựng 30 mô hình điểm về nâng cao năng suất chất lượng (mỗi doanh nghiệp áp dụng 03 hệ thống: Quản lý điện năng (ISO 50001), Quản lý Môi trường (ISO 14001), Quản lý chất lượng (ISO 9001, VietGAP, HACCP hoặc ISO 22000) và các công cụ cải tiến chất lượng Learn 6Sixma, KAIZEN, 5S....Trong đó 2/3 là các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chủ lực của Tỉnh; các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các sản phẩm mang thương hiệu của Tỉnh.

3.3. Nội dung, nhiệm vụ 3: Hỗ trợ và thúc đẩy hoạt động năng suất và chất lượng chung cho các doanh nghiệp trong địa bàn toàn Tỉnh; Tổ chức các hoạt động tuyên truyền quảng bá; đào tạo, tập huấn kiến thức kỹ năng về các hệ thống quản lý chất lượng và các công cụ cải tiến chất lượng cho các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước.

3.4. Nội dung, nhiệm vụ 4: Xây dựng đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp tiêu chuẩn quốc gia đối với sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ; xây dựng 01 tổ chức chứng nhận sự phù hợp hệ thống được công nhận trên 05 lĩnh vực đánh giá: hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000, hệ thống tiết kiệm năng lượng ISO 50001:2011 và 01 tổ chức đánh giá chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn cho các sản phẩm trên địa bàn tỉnh;

3.5. Nội dung, nhiệm vụ 5: Hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng và dịch vụ của Tỉnh xây dựng thương hiệu; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

3.6. Nội dung, nhiệm vụ 6: Thông qua kết quả khảo sát, đánh giá Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (nhiệm vụ 1), kết hợp với tiêu chí xác định sản phẩm hàng hóa chủ lực của các Bộ, ngành, xây dựng các phương pháp, tiêu chí đánh giá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh theo từng giai đoạn. Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án phát triển hàng hóa chủ lực của Tỉnh.

#### **4. Giải pháp thực hiện Đề án:**

4.1. Nhóm giải pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức:

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo để phổ biến quảng bá về Đề án của Tỉnh và Chương trình Quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020” và các chương trình mục tiêu quốc gia khác để thực hiện Đề án.

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như: truyền hình, báo chí, tập san, chuyên trang về năng suất chất lượng.

4.2. Nhóm giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực để triển khai Đề án:

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, các hình thức tôn vinh, nâng cao nhận thức cho các tổ chức và doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Hình thành mạng lưới các tổ chức, cá nhân hoạt động chuyên nghiệp về năng suất và chất lượng tại địa phương.
- Tổ chức đào tạo đội ngũ giảng viên, chuyên gia về năng suất chất lượng, đánh giá trình độ công nghệ, sở hữu công nghiệp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

#### 4.3. Giải pháp về hợp tác quốc tế:

Tranh thủ sự hợp tác quốc tế theo chương trình của Bộ Khoa học và Công nghệ để hỗ trợ tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa phục vụ cho triển khai các hoạt động đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

**III. Phân kỳ thời gian thực hiện Đề án:** Từ năm 2014 đến năm 2020, chia làm 2 giai đoạn.

- Giai đoạn 1: Đến năm 2015, triển khai các hoạt động sau:
  - Điều tra, đánh giá thực trạng năng suất chất lượng của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dịch vụ của tỉnh để xác định doanh nghiệp điểm, doanh nghiệp sản xuất cung cấp dịch vụ chủ lực của tỉnh. Qua đó xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá doanh nghiệp và đào tạo hướng dẫn đánh giá chỉ số TFP của Tỉnh và của các doanh nghiệp để áp dụng các công cụ cải tiến chất lượng.
  - Xây dựng 8 mô hình điểm về nâng cao năng suất chất lượng (mỗi doanh nghiệp áp dụng 03 hệ thống: Quản lý điện năng (ISO 50001), Quản lý Môi trường (ISO 14001), Quản lý chất lượng (ISO 9001, VietGAP, HACCP hoặc ISO 22000) và các công cụ cải tiến chất lượng Learn 6Sixma, KAIZEN, 5S...
  - Tổ chức các hoạt động tuyên truyền quảng bá về năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp trên toàn tỉnh.
  - Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn kiến thức kỹ năng về các hệ thống quản lý chất lượng và các công cụ cải tiến chất lượng cho các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước.
  - Đào tạo đội ngũ chuyên gia về năng suất chất lượng của các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.
  - Xây dựng 02 tổ chức đánh giá chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001 và ISO 50001.
- Giai đoạn 2: Từ năm 2016 đến năm 2020: Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ của Đề án theo nội dung đã được phê duyệt, nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đề ra.

#### **IV. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện:**

##### **1. Kinh phí thực hiện:**

- Kinh phí sự nghiệp và đầu tư cho khoa học công nghệ hàng năm của Tỉnh
- Kinh phí hỗ trợ của Bộ Khoa học và Công nghệ
- Kinh phí tham gia đối ứng của doanh nghiệp

**2. Khái toán kinh phí thực hiện Đề án: 52.000** triệu đồng (*Năm mươi hai tỷ đồng*). Ngân sách Tỉnh 13.500 triệu đồng (25%); Ngân sách Trung ương hỗ trợ và đối ứng của doanh nghiệp 38.500 triệu đồng (75%).

Trong đó:

- Giai đoạn 1: **14.300** triệu đồng (Ngân sách Tỉnh 3.800 triệu đồng, Ngân sách Trung ương hỗ trợ và đối ứng của Doanh nghiệp 10.500 triệu đồng);

- Giai đoạn 2: **37.700** triệu đồng (Ngân sách Tỉnh 9.700 triệu đồng; Ngân sách Trung ương hỗ trợ và các doanh nghiệp tự cân đối: 29.000 triệu đồng).

Hàng năm, căn cứ vào các hoạt động của Đề án, Sở Khoa học và Công nghệ lập thuyết minh chi tiết, gửi Sở Tài chính và Sở Kế hoạch đầu tư thẩm định trình Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt, bố trí kinh phí thực hiện.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Khoa học và Công nghệ: Là cơ quan chủ trì thực hiện Đề án, chịu trách nhiệm triển khai các nội dung sau:

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án theo từng giai đoạn;

- Lập thuyết minh các nhiệm vụ cụ thể theo nội dung Đề án, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các nhiệm vụ trong khuôn khổ và tiến độ của Đề án;

- Phối hợp với các ngành tổ chức hướng dẫn cho các doanh nghiệp đăng ký tham gia dự án;

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí chi tiết triển các nội dung, hoạt động và nhiệm vụ của Đề án hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ Hỗ trợ nguồn lực thực hiện Đề án;

- Tổng hợp, báo cáo, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện triển khai Đề án theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Tỉnh;

2. Các đơn vị phối hợp thực hiện:

2.1 Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Quảng Ninh: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về năng suất và chất lượng; xây dựng phong trào năng suất và chất lượng tại các huyện, thành phố trong Tỉnh;

2.2. Sở Công thương: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các nội dung liên quan tại các doanh nghiệp có nhóm sản phẩm cơ khí chế tạo, điện - điện tử, dệt may;

2.3. Sở Xây dựng: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các nội dung liên quan tại các doanh nghiệp có nhóm sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng;

2.4. Sở Y tế: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các nội dung liên quan tại các doanh nghiệp có nhóm sản phẩm dược, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng;

2.5. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các nội dung liên quan tại các doanh nghiệp có nhóm sản phẩm sản xuất và chế biến thực phẩm;

2.6. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn vốn ngân sách tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ chung của Đề án theo quy định;

2.7. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn cụ thể cơ chế tài chính thực hiện các nội dung Đề án; Thẩm định dự toán kinh phí của các Dự án thuộc nội dung Đề án theo quy định; Cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn vốn ngân sách tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ chung của Đề án theo quy định;

2.8. Ủy ban nhân dân các huyện thị, thị xã, thành phố; Ban quản lý các Khu kinh tế tỉnh: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ của Đề án trên địa bàn;

2.9. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Khuyến học tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp tích cực tuyên truyền, tham gia, phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong tỉnh thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Đề án.

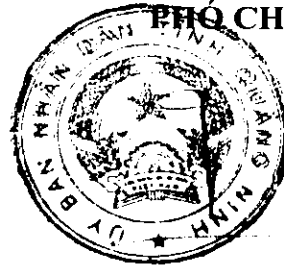
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc các Sở; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- CT, P2 UBND Tỉnh;
  - Như Điều 3 ;
  - V0, V2;
  - KHCN, TH3
  - Lưu: VT, KHCN.
- K 40 bản QĐ 14

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Huy Hậu**